

Số: 32/EIFMC/2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam như sau:

Các nội dung sửa đổi/thêm mới/bổ sung/thay thế được **gạch chân và bôi đậm**, các nội dung xóa bỏ được **gạch ngang**. Các thay đổi tương tự được nhóm lại để tiện theo dõi.

I. Điều lệ Quỹ:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	I. CĂN CỨ PHÁP LÝ I. Căn cứ Pháp lý <ul style="list-style-type: none">Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ban hành ngày 11/09/2025;Căn cứ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ban hành ngày 30/12/2021;Căn cứ Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ban hành ngày 25/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP (ban hành ngày 31/12/2020) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị Định số 158/2020/NĐ-CP (ban hành ngày 31/12/2020) về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;	<ul style="list-style-type: none">Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 (“Luật Chứng khoán”);Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 (“Luật Doanh nghiệp”);Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị Định 155”);Nghị định số 156/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (“Nghị định 156”) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 (“Nghị định 128”);	Bổ sung các căn cứ pháp lý có hiệu lực, trình bày súc tích rõ ràng hơn

<ul style="list-style-type: none"> • Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán; • Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29/12/2025; • Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2026/TT-BTC ban hành ngày 03/02/2026; • Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ban hành ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; • Căn cứ Thông tư số 198/2012/TT-BTC ban hành ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở; • Căn cứ Thông tư số 51/2021/TT-BTC ban hành ngày 30/06/2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; • Căn cứ Thông tư số 197/2015/TT-BTC ban hành ngày 03/12/2015 quy định về hành nghề chứng khoán; • Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BTC ban hành ngày 26/04/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; • Căn cứ Thông tư số 83/2024/TT-BTC ban hành ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; • Căn cứ Thông tư số 134/2017/TT-BTC ban hành ngày 19/12/2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 73/2020/TT-BTC ban hành ngày 07/08/2020; 	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, hướng dẫn hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 99”); • Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”); • Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”); • Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; • Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”); • Thông tư số 51/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài, trên thị trường chứng khoán Việt Nam (“Thông tư 51”); • Thông tư số 197/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2015 quy định về hành nghề chứng khoán (“Thông tư 197”); • Thông tư số 102/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam (“Thông tư 102”); • Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; • Thông tư số 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”); • Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”); • Thông tư số 134/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 134”), được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 73/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 8 năm
---	--

	Các văn bản pháp luật có liên quan khác (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).	2020 (“Thông tư 73”); và • Các văn bản pháp luật có liên quan khác (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)	
2	<p>Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ</p> <p>- Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.</p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013, Giấy phép Điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Giấy phép Điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/06/2025;</p> <p>- Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).</p>	<p>Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ</p> <p>- Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.</p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).</p>	Cập nhật Giấy phép điều chỉnh
3	<p>Điều 10. Chiến lược đầu tư</p> <p>3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:</p> <p>a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;</p> <p>b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</p> <p>e. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định theo Luật Chứng Khoán và các quy định pháp</p>	<p>Điều 10. Chiến lược đầu tư</p> <p>3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:</p> <p>a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;</p> <p>b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;</p>	Cập nhật các loại tài sản được phép đầu tư theo Thông tư 136/2025/TT-BTC

	<p>luật khác có liên quan (nếu có) tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quý thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định theo Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có).</p>		
4.	<p>Điều 10. Chiến lược đầu tư</p> <p>5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; - Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát; - Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro; 	<p>Điều 10. Chiến lược đầu tư</p> <p>5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều này phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</p>	<p>Cập nhật theo Điều 35.3.a TT98/2020 và Điều 17.5 TT136/2025</p>

	<p>- Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.</p> <p>6. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại Điểm f Khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:</p> <p>- Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</p> <p>- Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ;</p> <p>- Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.</p>		
5	<p>Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>Công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc</p> <p>b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn đến Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống</p>	<p>Điều 18. Mua lại một phần, mua toàn bộ và tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc</p> <p>b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của</p>	Cập nhật các nguyên tắc về mức phòng vệ thanh khoản theo Thông tư 136/202/TT-BTC

<p>dưới 50 tỷ đồng.</p> <p>12. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.</p> <p>b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là 2% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.</p> <p>c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>d) Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên</p>	<p>Nhà Đầu tư dẫn đến Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ đồng. Chưa có Khoản 12.</p>
---	---

	<p>quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.</p> <p>d) Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.</p>		
6	<p>Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư</p> <p>3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng phù hợp quy định pháp luật về doanh nghiệp đối với Đại hội đồng cổ đông. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.</p> <p>4. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.</p> <p>4. Đại hội Nhà Đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cách thức tham gia họp và lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Điều lệ Quỹ này.</p>	<p>Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư</p> <p>3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.</p> <p>4. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.</p> <p>5. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cách thức tham gia họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Điều lệ Quỹ này.</p>	<p>Bổ Khoản 4 của Điều lệ cũ vì Thông tư 136/2025/TT-BTC cho phép công ty quản lý quỹ tự quy định về việc có tổ chức đại hội nhà đầu tư thường niên hay không. Công ty đã quyết định bỏ quy định liên quan đến Đại hội nhà đầu tư thường niên và sẽ chỉ tổ chức Đại hội nhà đầu tư theo các quy định của Điều 22 Điều lệ mới sửa đổi.</p> <p>Bổ sung cách thức họp trực tuyến trong tổ chức Đại hội Nhà đầu tư</p>
7	<p>Điều 22. Trường hợp và điều kiện triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy Đại hội đó là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;</p> <p>b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>2. Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được triệu tập và tổ chức</p>	<p>Điều 22. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy Đại hội đó là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;</p> <p>b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>2. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được triệu tập và tổ chức trong vòng ba mươi (30)</p>	<p>Điều 22 của Điều lệ mới nêu các trường hợp và điều kiện triệu tập Đại hội nhà đầu tư. Các chữ “bất thường” được gạch bỏ vì công ty không có đại hội nhà đầu tư thường niên.</p> <p>Bổ sung trong Khoản 4 Điều này : Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến.</p>

	<p>trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu tổ chức đại hội đó, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của đại hội.</p> <p>3. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ này.</p> <p>4. Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp trên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cách thức tham gia họp được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Quỹ này.</p>	<p>ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu tổ chức đại hội đó, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của đại hội.</p> <p>3. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ này.</p> <p>4. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cách thức tham gia họp trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Quỹ này.</p>	
8	<p>Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà Đầu tư</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Cách thức tham gia có thể là trực tiếp, trực tuyến, ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).</p> <p>7. Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm rà soát, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp Nghị quyết không phù hợp, phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản để thông qua lại.</p>	<p>Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà Đầu tư</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Cách thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).</p> <p>7. Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.</p>	<p>Thêm “trực tuyến” vào phương thức họp của Đại hội nhà đầu tư.</p> <p>Trong trường hợp Nghị quyết không phù hợp, có thể lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua lại.</p>
9	<p>Điều 24. Lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư bằng văn bản</p> <p>3. Nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:</p> <p>Quy định gửi Phiếu ý kiến bằng văn bản đến Nhà Đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phiếu lấy ý kiến đảm bảo các nội dung sau: - Tên và địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ; - Thông tin nhận dạng Nhà đầu tư; - Số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; 	<p>Điều 24. Lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư bằng văn bản</p> <p>3. Nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:</p> <p>Quy định gửi Phiếu ý kiến bằng văn bản đến Nhà Đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phiếu lấy ý kiến đảm bảo các nội dung sau: - Tên của Quỹ, địa chỉ Công ty Quản lý Quỹ; - Thông tin của Nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu và số quyền biểu quyết của Nhà đầu tư; 	<p>Cập nhật các thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản cho phù hợp với thực tế.</p>

	<p>Nội dung cần lấy ý kiến;</p> <p>Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời gian và phương thức gửi Phiếu lấy ý kiến: <p>Phát hành Phiếu lấy ý kiến và gửi đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư theo các hình thức sau: gửi thư thông thường, thư điện tử, fax hoặc các phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> Phiếu lấy ý kiến hợp lệ: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu ý kiến hợp lệ phải đảm bảo như sau: <ul style="list-style-type: none"> Phiếu lấy ý kiến phải được gửi từ địa chỉ email mà nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty quản lý Quỹ đến địa chỉ thư điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, được chỉ rõ trong phần hướng dẫn tại Phiếu lấy ý kiến và phải được bảo mật tới thời điểm kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký/chữ ký điện tử và xác nhận rõ ràng của Nhà Đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty bằng hình thức gửi thư thông thường phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở cho tới thời điểm kiểm phiếu. 	<p>Nội dung cần lấy ý kiến;</p> <p>Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Người đại diện Công ty Quản lý Quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời gian và phương thức gửi Phiếu lấy ý kiến: <p>Phát hành Phiếu lấy ý kiến và gửi đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư thư bằng hình thức gửi thư thông thường, thư điện tử, fax hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> Phiếu lấy ý kiến hợp lệ: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu ý kiến hợp lệ phải đảm bảo như sau: <ul style="list-style-type: none"> Phiếu lấy ý kiến phải được gửi từ email mà nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty quản lý Quỹ đến địa chỉ thư điện tử (email) của Công ty Quản lý Quỹ, được chỉ rõ trong phần hướng dẫn tại Phiếu lấy ý kiến và phải được bảo mật tới thời điểm kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở cho tới thời điểm kiểm phiếu. 	
10	<p>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư; Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá và Sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ Quỹ này; phê duyệt quy trình quản lý rủi ro áp dụng đối với trường hợp Quỹ đầu tư vào trái phiếu phát hành riêng lẻ và chứng khoán phái sinh. Chấp thuận bằng văn bản các giao dịch tài sản được phép đầu tư của Quỹ theo phương thức 	<p>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư; Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá và Sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ Quỹ này; phê duyệt giao dịch theo quy định tại Khoản 5 Điều 10, Điều lệ Quỹ này. Phê chuẩn mức lợi nhuận được phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, 	Cập nhật theo Điều 17 và Điều 8, Thông tư 136/2025/TT-BTC

	<p>thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Phê chuẩn mức lợi nhuận được phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;</p> <p>4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;</p> <p>5. Trường hợp được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ có quyền quyết định các vấn đề nêu tại điểm b), c), d), e), f), g) và h) khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;</p> <p>5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đủ các tài liệu và thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát của Quỹ; và</p>	<p>hình thức phân phối lợi nhuận;</p> <p>4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;</p> <p>5. Trường hợp được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ có quyền quyết định các vấn đề nêu tại điểm b), c), d), e), f), g) và h) khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;</p> <p>6. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đủ các tài liệu và thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát của Quỹ;</p>							
11	<p>II. ĐỊNH NGHĨA</p> <table><tr><td>"Mức phòng vệ thanh khoản"</td><td>Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mà trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở vượt phạm vi nguyên nhân bất khả kháng.</td></tr><tr><td>"Giá Mua lại"</td><td>Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</td></tr></table>	"Mức phòng vệ thanh khoản"	Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mà trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở vượt phạm vi nguyên nhân bất khả kháng.	"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.	<p>II. ĐỊNH NGHĨA</p> <p>Chưa có định nghĩa về Mức phòng vệ thanh khoản</p> <table><tr><td>"Giá Mua lại"</td><td>Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.</td></tr></table>	"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.	Bổ sung định nghĩa Mức phòng vệ thanh khoản và Cập nhật Giá mua lại
"Mức phòng vệ thanh khoản"	Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mà trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở vượt phạm vi nguyên nhân bất khả kháng.								
"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.								
"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.								
12	<p>Điều 11. Hạn mức đầu tư</p> <p>1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:</p> <p>e. Quỹ không được đầu tư quá 20% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ</p>	<p>Điều 11. Hạn mức đầu tư</p> <p>1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:</p> <p>e. Quỹ không được đầu tư quá 10% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này.</p>	Bổ sung theo Điều 35.4.1 TT98/2020 do quỹ đã bổ sung thêm tài sản được phép đầu tư là chứng chỉ quỹ						

	này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;		
13	<p>Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ và các loại giá dịch vụ</p> <p>3. Giá Mua lại của một Đơn vị Quỹ là Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ Giá dịch vụ Mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>4. Giá dịch vụ Phát hành lần đầu, Giá dịch vụ Phát hành các lần tiếp theo, Giá dịch vụ Mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ này được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối nhưng không vượt quá mức tối đa như sau: Giá dịch vụ phát hành tối đa 5% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi tối đa 3% giá trị giao dịch.</p> <p>5. Ngoại trừ các khoản giá dịch vụ do Quỹ phải trả theo quy định tại Điều này và quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản giá, phí nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hay tổ chức được ủy quyền khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>6. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa đề cập tại Khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.</p>	<p>Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ và các loại giá dịch vụ</p> <p>3. Giá Mua lại của một Đơn vị Quỹ là Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ Giá dịch vụ Mua lại (nếu có).</p> <p>4. Giá dịch vụ Phát hành lần đầu, Giá dịch vụ Phát hành các lần tiếp theo, Giá dịch vụ Mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ này được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch không vượt quá mức tối đa như sau: Giá dịch vụ phát hành tối đa 5% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi tối đa 3% giá trị giao dịch.</p> <p>5. Ngoại trừ các khoản giá dịch vụ do Quỹ phải trả theo quy định tại Điều này và quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản giá, phí nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hay tổ chức được ủy quyền khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>6. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa đề cập tại Khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.</p>	<p>Bổ sung Mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>Bổ sung mức giá dịch vụ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo Điều 16 TT136/2025</p>
14	<p>Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có thể lựa chọn một hoặc nhiều Đại lý Phân phối để trợ giúp trong việc phân phối các Chứng chỉ Quỹ và các vấn đề khác liên quan đến Quỹ, đến Chứng chỉ Quỹ và đến Nhà Đầu tư.</p> <p>2. Là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với công ty quản lý quỹ.</p> <p>4. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định về ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của khách hàng.</p>	<p>Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối</p> <p>1. Công ty Quản lý Quỹ có thể lựa chọn một hoặc nhiều Đại lý Phân phối để trợ giúp trong việc phân phối các Chứng chỉ Quỹ và các vấn đề khác liên quan đến Quỹ, đến Chứng chỉ Quỹ và đến Nhà Đầu tư.</p> <p>2. Các Đại lý Phân phối được lựa chọn ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty Quản lý Quỹ phải có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ do UBCKNN cấp để thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phân phối Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>Chưa có Mục 4, 5, 6, 7</p>	<p>Cập nhật theo Điều 24 TT136/2025</p>

	<p>5. Công ty Quản lý Quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.</p> <p>6. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.</p> <p>7. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.</p>		
15	<p>Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của các Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh</p> <p>f. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch của Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được, sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá một (01) triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy</p>	<p>Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của các Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh</p> <p>f. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch của Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.</p> <p>g. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa được đăng ký với UBCKNN. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.</p> <p>h. Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức và cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ của mình trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phân phối trực tiếp Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Đại lý Phân phối và Công ty Quản lý Quỹ</p>	Cập nhật theo Điều 24 và Điều 26 TT136/2025

<p>ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức và cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ của mình trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phân phối trực tiếp Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Đại lý Phân phối và Công ty Quản lý Quỹ được trình bày trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.</p> <p>g. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng</p> <p>h. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.</p> <p>i. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.</p> <p>j. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; o Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt; o Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống; o Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ; 	<p>được trình bày trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.</p>
--	---

	<p>o Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;</p> <p>o Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, Mục e và f Khoản này.</p> <p>o Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại Mục b Khoản này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại Mục a, c và d Khoản này;</p> <p>o Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>k. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.”</p>		
16	<p>Điều 49. Hoạt động của Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh</p> <p>1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:</p> <p>f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.</p> <p>2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.</p>	<p>Điều 49. Hoạt động của Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh</p> <p>1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:</p> <p>f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.</p>	<p>Cập nhật theo Điều 25 TT136/2025</p> <p>Bổ sung theo Điều 24.2 TT136/2025</p>

17	<p>Điều 55. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ</p> <p>4. Sở tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Trong đó, trường hợp trái phiếu niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá hoặc giá trái phiếu ở giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) nhiều hơn 2% so với giá trái phiếu đó cung cấp bởi tổ chức cung cấp báo giá ICE Data Services ("ICE"), thì giá trái phiếu niêm yết là giá tại ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế được cung cấp bởi các tổ chức báo giá, theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá chào mua ("bid price") của tổ chức cung cấp báo giá ICE; - Giá được cung cấp bởi tổ chức cung cấp báo giá S&P Global (Markit); - Giá chào mua ("bid price") của tổ chức cung cấp báo giá Reuters. <p>Trong trường hợp không có các loại giá nêu trên, giá trái phiếu niêm yết sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng cho tới khi có giá outright hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ICE cộng lãi lũy kế; Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ trong tài liệu này; - Giá mua (cộng lãi lũy kế) và việc sử dụng giá này phải tuân theo Chính sách sử dụng giá mua và/hoặc giá cũ trong tài liệu này; - Mệnh giá (cộng lãi lũy kế); <p>Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Đại Diện Quỹ.</p> <p>5. Khi tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và/hoặc Giá trị Tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (nếu phù hợp), Công ty Quản lý Quỹ có quyền và sẽ tiếp tục có quyền sử dụng và dựa vào, không cần thẩm tra hoặc xác minh, bất kỳ sự định giá, đánh giá, thông tin tài chính và thông tin khác, dữ liệu hoặc thông báo được cung cấp, cung ứng hoặc thu thập bởi các bên cung cấp thông tin định giá độc lập, các bên định giá, khảo sát, đầu giá hoặc các chuyên gia khác và các bên cung cấp dịch vụ thông tin bao gồm, dữ liệu thống kê, chỉ số, và tỷ giá hối đoái (cả giao ngay và kỳ hạn và tiền điện tử) và bất kỳ thông tin tài chính nào khác.</p>	<p>Điều 55. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ</p> <p>4. Khi tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và/hoặc Giá trị Tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (nếu phù hợp), Công ty Quản lý Quỹ có quyền và sẽ tiếp tục có quyền sử dụng và dựa vào, không cần thẩm tra hoặc xác minh, bất kỳ sự định giá, đánh giá, thông tin tài chính và thông tin khác, dữ liệu hoặc thông báo được cung cấp, cung ứng hoặc thu thập bởi các bên cung cấp thông tin định giá độc lập, các bên định giá, khảo sát, đầu giá hoặc các chuyên gia khác và các bên cung cấp dịch vụ thông tin bao gồm, dữ liệu thống kê, chỉ số, và tỷ giá hối đoái (cả giao ngay và kỳ hạn và tiền điện tử) và bất kỳ thông tin tài chính nào khác.</p>	<p>Bổ sung quy định định giá trái phiếu trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo yêu cầu của Phụ lục XIV TT136/2025</p>
18	<p>Điều 20. Chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ khác (tặng, cho, thừa kế)</p> <p>1. Nhà Đầu tư có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ dưới hình thức tặng, cho, thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ.</p>	<p>Điều 20. Chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ không mang tính thương mại</p> <p>1. Nhà Đầu tư có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ không mang tính thương mại dưới hình thức biếu, tặng, cho, thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ.</p>	<p>Bỏ khái niệm chuyển nhượng không mang tính thương mại</p>

Ngày bắt đầu có hiệu lực: dự kiến sau khi SSC không có ý kiến và Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: EIVN

Hồ sơ kèm theo:

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Điều Lệ sửa đổi, bổ sung.

